

Trà Vinh, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động
khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 357/QĐ-ĐHTV
ngày 21/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19/6/2006 của Thủ tướng
Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 4665/QĐ-ĐHTV ngày 06/9/2018 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Trà Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học
Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-ĐHTV ngày 21/01/2021 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động Khoa
học và công nghệ Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Biên bản số 88/BB-KHCN ngày 16/7/2021 về việc thống nhất nội
dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý hoạt động khoa học và
công nghệ Trường Đại học Trà Vinh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định sửa đổi, bổ sung một số
điều của Quy định Quản lý hoạt động Khoa học và công nghệ Trường Đại học Trà
Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 357/QĐ-ĐHTV ngày 21/01/2021 của Hiệu
trưởng Trường Đại học Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm, Viện, Khoa, Bộ môn, các đơn vị,
cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Như Điều 3;
- Đăng trang QLCV;
- Lưu: VT, KHCN, KHTV, TTrPC.



Phạm Tiết Khánh

QUY ĐỊNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
(Đính kèm Quyết định số 4795/QĐ-DHTV ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, khoản 3, khoản 16 Điều 5 như sau:

"2. Các sản phẩm, hoạt động được quy đổi tính giờ chuẩn NCKH:

a. Các sản phẩm quy đổi thành giờ chuẩn NCKH, cụ thể:

TT	Sản phẩm KH&CN	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
1	a) 01 bài tham luận được đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo / hội nghị cấp trường trở lên (bằng ngôn ngữ tiếng Việt). Đối với hội thảo tổ chức tại TVU phải đảm bảo 2 tiêu chí (i): Phải có phản biện; (ii): Nội dung các bài tham luận phải được kiểm tra qua phần mềm chống đạo văn.	- <i>Tác giả (TG) độc lập</i> được tính 195 giờ/bài. - <i>Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất là viên chức của Trường</i> thì được tính như sau: + TG thứ nhất được tính 98 giờ/bài. + TG liên hệ được tính 98 giờ/bài khi TG thứ nhất không kê khai. + Đồng TG được tính 98 giờ/bài chia đều cho tổng số TG còn lại. - <i>Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất không phải là viên chức của Trường</i> thì đồng TG được tính 50 giờ/bài chia đều tổng số TG.	- Các sản phẩm là điều kiện nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường không được sử dụng để kê khai nhiệm vụ NCKH. - Tên Hội thảo / Hội nghị thuộc ISI/SCOPUS chỉ thống kê dựa trên 02 trang web sau: www.mjl.clarivate.com hoặc www.scimagojr.com . Không chấp nhận trường hợp tên Hội thảo / Hội nghị bị “cancelled / <i>discontinued in Scopus</i> ” tại năm liền kề gần nhất hoặc năm hiện hành.
	b) 01 bài tham luận được đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo / hội nghị quốc tế không thuộc	- <i>Tác giả (TG) độc lập</i> được tính 195 giờ/bài. - <i>Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất là viên chức của Trường</i> thì được tính như sau:	- TG phải đứng tên là viên chức của TVU; trường hợp

TT	Sản phẩm KH&CN	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
	ISI/SCOPUS (bằng ngôn ngữ tiếng Anh). Đối với hội thảo tổ chức tại TVU phải đảm bảo 2 tiêu chí (i): Phải có phản biện; (ii): Nội dung các bài tham luận phải được kiểm tra qua phần mềm chống đạo văn.	<ul style="list-style-type: none"> + TG thứ nhất được tính 98 giờ/bài. + TG liên hệ được tính 98 giờ/bài khi TG thứ nhất không kê khai. + Đồng TG được tính 98 giờ/bài chia đều cho tổng số TG còn lại. <p>- Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất không phải là viên chức của Trường thì đồng TG được tính 50 giờ/bài chia đều tổng số TG.</p>	TG đi học, có sản phẩm được xuất bản có đứng tên đơn vị là TVU thì TG được sử dụng sản phẩm để tính giờ chuẩn trong năm học tương ứng nhưng không được sử dụng để bù qua giờ giảng dạy và không được xem xét giờ dư cuối năm.
2	01 bài tham luận được đăng toàn văn trong Kỷ yếu hội thảo / hội nghị quốc tế thuộc ISI/SCOPUS (<i>Proceedings</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - TG độc lập được tính 195 giờ/bài. - Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất là viên chức của Trường thì được tính như sau: <ul style="list-style-type: none"> + TG thứ nhất được tính 195 giờ/bài. + TG liên hệ được tính 195 giờ/bài khi TG thứ nhất không kê khai. + Đồng TG được tính 98 giờ/bài chia đều tổng số TG còn lại. <p>- Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất không phải viên chức của Trường thì đồng TG được tính 98 giờ/bài chia đều tổng số TG.</p>	
3	01 bài báo được đăng toàn văn trên tạp chí khoa học trong nước có mã số chuẩn quốc tế ISSN	<ul style="list-style-type: none"> - TG độc lập được tính 195 giờ/bài. - Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất là viên chức của Trường được tính như sau: <ul style="list-style-type: none"> + TG thứ nhất được tính 98 giờ/bài. + TG liên hệ được tính 98 giờ/bài khi TG thứ nhất không kê khai. + Đồng TG được tính 98 giờ/bài chia đều cho tổng số TG còn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các bài báo là điều kiện nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường không được sử dụng để kê khai nhiệm vụ NCKH. - TG phải đứng tên là viên chức của TVU; trường hợp TG đi học, có sản phẩm được xuất bản đứng

TT	Sản phẩm KH&CN	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
		<p>- Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất không phải viên chức Trường thì đồng TG được tính 50 giờ/bài chia đều cho tổng số TG.</p>	tên đơn vị là TVU thì TG được sử dụng sản phẩm để tính giờ chuẩn trong năm học tương ứng nhưng không được sử dụng để bù qua giờ giảng dạy và không được xem xét giờ dư cuối năm.
4	01 bài báo được đăng toàn văn trên tạp chí khoa học quốc tế có mã số chuẩn quốc tế ISSN không thuộc ISI/SCOPUS	<p>- TG độc lập được tính 195 giờ/bài.</p> <p>- Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất là viên chức của Trường được tính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + TG thứ nhất được tính 140 giờ/bài. + TG liên hệ được tính 140 giờ/bài khi TG thứ nhất không kê khai. + Đồng TG được tính 98 giờ/bài chia đều cho tổng số TG còn lại. <p>- Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất không phải viên chức Trường thì đồng TG được tính 80 giờ/bài chia đều cho tổng số TG.</p>	<p>- Các bài báo là điều kiện nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường không được sử dụng để kê khai nhiệm vụ NCKH.</p> <p>- Tên Tạp chí thuộc ISI/SCOPUS chỉ thống kê dựa trên 02 trang web sau: www.mjl.clarivate.com hoặc www.scimagojr.com. Không chấp nhận trường hợp tên Tạp chí bị “<i>cancelled / discontinued in Scopus</i>” tại năm liền kề gần nhất hoặc năm hiện hành.</p> <p>- TG phải đứng tên là viên chức của TVU; trường hợp TG đi học, có sản phẩm được xuất bản đứng tên đơn vị là TVU thì TG được sử dụng sản phẩm để tính giờ chuẩn trong năm học tương ứng nhưng</p>

TT	Sản phẩm KH&CN	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
			không được sử dụng để bù qua giờ giảng dạy và không được xem xét giờ dư cuối năm.
5	01 bài báo được đăng toàn văn trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc ISI/SCOPUS	<ul style="list-style-type: none"> - <i>TG độc lập</i> được tính 195 giờ/bài. - <i>Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất là viên chức của Trường</i> được tính như sau: <ul style="list-style-type: none"> + TG thứ nhất được tính 195 giờ/bài. + TG liên hệ được tính 195 giờ/bài khi TG thứ nhất không kê khai. + Đồng TG được tính 98 giờ/bài chia đều cho tổng số TG còn lại. - <i>Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất không phải viên chức Trường</i> thì đồng TG được tính 98 giờ/bài chia đều cho tổng số TG. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các bài báo là điều kiện nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường không được sử dụng để kê khai nhiệm vụ NCKH. - TG phải chứng minh thêm tên tạp chí thuộc 02 trang web sau: www.mjl.clarivate.com, www.scimagojr.com hoặc theo Danh mục quy định Tạp chí được công nhận thuộc Danh mục ISI/SCOPUS (của HĐCDGSNN, Bộ GD&ĐT) của năm mà bài báo của TG được công bố. Không chấp nhận trường hợp tên Tạp chí bị “<i>cancelled / discontinued in Scopus</i>” tại năm liền kề gần nhất hoặc năm hiện hành. - TG phải đứng tên là viên chức của TVU; trường hợp TG đi học, có sản phẩm được xuất bản đứng tên đơn vị là TVU thì TG được sử dụng sản phẩm để

TT	Sản phẩm KH&CN	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
			tính giờ chuẩn trong năm học tương ứng nhưng không được sử dụng để bù qua giờ giảng dạy và không được xem xét giờ dư cuối năm.
6	Đề tài cấp cơ sở, cấp Trường (<i>được tính tối đa 02 thành viên bao gồm chủ nhiệm đề tài</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Đề tài có thời gian thực hiện ≥ 9 tháng trong năm học tương ứng thì mỗi thành viên được tính 195 giờ. - Đề tài có thời gian thực hiện dưới 9 tháng trong năm học tương ứng thì mỗi thành viên được tính bằng số tháng thực hiện x (nhân) 16,25 giờ. 	Thời gian thực hiện đề tài được căn cứ trên hợp đồng. Thời gian gia hạn thực hiện đề tài không được tính giờ chuẩn NCKH.
7	Đề tài cấp Tỉnh (<i>được tính tối đa 03 thành viên bao gồm CNĐT</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chủ nhiệm đề tài (CNĐT) là viên chức của Trường được tính như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đề tài có thời gian thực hiện ≥ 9 tháng trong năm học tương ứng thì mỗi thành viên được tính 195 giờ. + Đề tài có thời gian thực hiện dưới 9 tháng trong năm học tương ứng thì mỗi thành viên được tính bằng số tháng thực hiện x (nhân) 16,25 giờ. - Trường hợp CNĐT không phải viên chức Trường thì mỗi thành viên được tính bằng số tháng thực hiện x (nhân) 5 giờ. 	
8	Đề tài cấp Bộ (<i>được tính tối đa 04 thành viên bao gồm CNĐT</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp CNĐT là viên chức của Trường được tính như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đề tài có thời gian thực hiện ≥ 9 tháng trong năm học tương ứng thì mỗi thành viên được tính 195 giờ. 	

TT	Sản phẩm KH&CN	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
		<p>+ Đề tài có thời gian thực hiện dưới 9 tháng trong năm học tương ứng thì mỗi thành viên = số tháng thực hiện x 16,25 giờ.</p> <p>- Trường hợp chủ nhiệm đề tài không phải viên chức Trường thì mỗi thành viên được tính bằng số tháng thực hiện x (nhân) 10 giờ.</p>	Thời gian thực hiện đề tài được căn cứ trên hợp đồng. Thời gian gia hạn thực hiện đề tài không được tính giờ chuẩn NCKH.
9	Đề tài cấp Quốc gia (được tính tối đa 05 thành viên bao gồm chủ nhiệm đề tài)	<p>- Trường hợp chủ nhiệm đề tài là viên chức Trường được tính như sau:</p> <p>+ Đề tài có thời gian thực hiện ≥ 9 tháng trong năm học tương ứng thì mỗi thành viên được tính 195 giờ.</p> <p>+ Đề tài có thời gian thực hiện dưới 9 tháng trong năm học tương ứng thì mỗi thành viên được tính bằng số tháng thực hiện x (nhân) 16,25 giờ.</p> <p>- Trường hợp chủ nhiệm đề tài không phải viên chức của Trường thì mỗi thành viên được tính bằng số tháng thực hiện x (nhân) 15 giờ.</p>	

b. Các hoạt động được quy đổi thành giờ chuẩn NCKH, cụ thể:

TT	Nội dung	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
1. Viết thuyết minh đề tài NCKH cấp Tỉnh trở lên, thuyết minh dự án có nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế và hướng dẫn sinh viên/học viên thực hiện đề tài NCKH cấp Trường trở lên			
1.1	Viết thuyết minh đề tài NCKH cấp Quốc gia/Bộ	100 giờ/thuyết minh	- Chỉ được tính khi đề tài không được phê duyệt cho triển khai thực hiện.
1.2	Viết thuyết minh đề tài NCKH cấp Tỉnh	50 giờ/thuyết minh	

TT	Nội dung	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
			<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tính đê tài do Trường Đại học Trà Vinh chủ trì thực hiện. - Nhóm viết thuyết minh tự thỏa thuận số giờ bằng văn bản.
1.3	Viết thuyết minh dự án nghiên cứu có nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế.	40 giờ/thuyết minh	Nhóm viết thuyết minh tự thỏa thuận số giờ bằng văn bản.
1.4	Hướng dẫn sinh viên/học viên thực hiện đề tài NCKH cấp Trường trở lên	40 giờ/đề tài	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được tính khi đề tài được nghiệm thu. - Các sản phẩm là điều kiện nghiệm thu của đề tài không được sử dụng để kê khai giờ NCKH.
2. Xuất bản sách, giáo trình, bài báo / chương sách quốc tế			
2.1	Xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo được xuất bản (<i>Nhà xuất bản do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép</i>), được CSGDDH ra quyết định sử dụng giảng dạy	<p><i>DVT: Đầu sách:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ biên được tính 195 giờ. - Đồng TG được tính 100 giờ chia đều cho tổng số TG. 	TG phải đứng tên là viên chức của TVU; trường hợp TG đi học, có sản phẩm được xuất bản đứng tên đơn vị là TVU thì TG được sử dụng sản phẩm để tính giờ chuẩn
2.2	Xuất bản sách quốc tế (Ngôn ngữ nước ngoài) do các nhà xuất bản uy tín thuộc 10 nhà xuất bản Pearson, RELF Group, Thomson Reuters, Wolter Kluwer, Wiley, Springer Nature, Happer Collins, cholastic, Oxford University Press, Cambridge University Press	<p><i>DVT: Đầu sách:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ biên được tính 350 giờ. - Đồng TG được tính 200 giờ chia đều cho tổng số TG (<i>trừ chủ biên</i>) <p><i>DVT: Chương sách:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ biên được tính 200 giờ. - Đồng TG được tính 80 giờ chia đều cho tổng số TG (<i>trừ chủ biên</i>) 	trong năm học tương ứng nhưng không được sử dụng để bù qua giờ giảng dạy và không được xem xét giờ dư cuối năm.

TT	Nội dung	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
2.3	Xuất bản sách quốc tế (Ngôn ngữ nước ngoài) do các nhà xuất bản ngoài nước xuất bản (ngoài 10 nhà xuất bản nêu trên) thuộc Danh mục “The world's largest publishers” do trang publisherweekly.com thống kê hàng năm hoặc các nhà xuất bản thuộc các trường đại học hàng đầu thế giới hiện hành của Times Higher Education World University Rangking do tạp chí Times Higher Education (THE) hợp tác với Thomson Reuters thống kê (www.timeshighereducation.com)	<p><i>DVT: Đầu sách:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ biên được tính 195 giờ. - Đồng TG được tính 100 giờ chia đều cho tổng số TG (trừ chủ biên) <p><i>DVT: Chương sách:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ biên được tính 100 giờ - Đồng TG được tính 70 giờ chia đều cho tổng số TG (trừ chủ biên) 	TG phải đứng tên là viên chức của TVU; trường hợp TG đi học, có sản phẩm được xuất bản đứng tên đơn vị là TVU thì TG được sử dụng sản phẩm để tính giờ chuẩn trong năm học tương ứng nhưng không được sử dụng để bù qua giờ giảng dạy và không được xem xét giờ dư cuối năm.
2.4	Xuất bản sách quốc tế chuyên ngành (Ngôn ngữ nước ngoài)	<p><i>DVT: Đầu sách:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ biên được tính 195 giờ - Đồng TG được tính 100 giờ chia đều cho tổng số TG <p><i>DVT: Chương sách:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ biên được tính 100 giờ - Đồng TG được tính 50 giờ chia đều cho tổng số TG Chương sách được xuất bản 	
2.5	Bài báo khoa học chuyên ngành quốc tế nằm trong Bộ sách (<i>book series</i>) thuộc ISI/SCOPUS	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tác giả độc lập</i> được tính 195 giờ. - <i>Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất là viên chức của Trường</i> được tính như sau: 	<ul style="list-style-type: none"> - Không tính những bài báo đã được kê khai nhưng được các NXB tổng hợp để xuất bản thành một bộ sách.

TT	Nội dung	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
		<ul style="list-style-type: none"> - Tác giả thứ nhất được tính 98 giờ - Tác giả liên hệ được tính 98 giờ khi TG thứ nhất không kê khai. - Đồng TG được tính 98 giờ chia đều cho tổng số TG còn lại. - Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất không phải viên chức Trường thì đồng TG được tính 50 giờ chia đều cho tổng số TG. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ sách (book series) thuộc ISI/SCOPUS chỉ thống kê dựa trên 2 trang web sau: www.mjl.clarivate.com hoặc www.scimagojr.com. - Không chấp nhận trường hợp Bộ sách bị “cancelled” / “discontinued in Scopus” tại năm liền kề gần nhất hoặc năm hiện hành.
2.6	Chương sách nằm trong Bộ sách (<i>book series</i>) thuộc ISI/SCOPUS	<ul style="list-style-type: none"> - TG độc lập được tính 195 giờ. - Trường hợp nhiều TG, TG thứ nhất là viên chức của TVU; trường hợp TG đi học, có sản phẩm được xuất bản đúng tên đơn vị là TVU thì TG được sử dụng sản phẩm để tính giờ chuẩn trong năm học tương ứng nhưng không được sử dụng để bù qua giờ giảng dạy và không được xem xét giờ dư cuối năm. 	
3. Tham gia/hướng dẫn các hội thi			
3.1	Tham gia Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật từ cấp tỉnh trở lên hoặc	<ul style="list-style-type: none"> - Huy chương vàng hoặc giải nhất được tính 195 	

TT	Nội dung	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
	Tham gia Các giải thi về chuyên môn/hội thao trong các sự kiện thi đấu cấp tỉnh trở lên (Chỉ tính cho giảng viên phù hợp chuyên môn)	<p>giờ chia đều cho tổng số thành viên tham gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Huy chương bạc hoặc giải nhì</i> được tính 137 giờ chia đều cho tổng số thành viên tham gia. - <i>Huy chương đồng hoặc giải ba</i> được tính 98 giờ chia đều cho tổng số thành viên tham gia. - Riêng đạt giải khuyến khích trở lên đối với bóng đá và bóng chuyền thì được tính 98 giờ/ giảng viên. 	
3.2	Hướng dẫn sinh viên/học sinh tham gia các hội thi khoa học kỹ thuật ở cấp quốc gia (<i>Tối đa 02 giảng viên</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Đạt giải khuyến khích trở lên</i> được tính 195 giờ/GV/giải - <i>Không đạt giải</i> được tính 59 giờ/GV 	
3.3	Hướng dẫn sinh viên/học sinh tham gia các hội thi về khoa học kỹ thuật, chuyên môn trong các cuộc thi cấp tỉnh, cấp bộ (<i>Tối đa 02 giảng viên</i>)	<i>Đạt giải khuyến khích trở lên</i> được tính 98 giờ/GV/giải	
3.4	Giảng viên hướng dẫn sinh viên tham gia cuộc thi khởi nghiệp từ cấp bộ (hoặc tương đương) trở lên.	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Đạt giải nhất, nhì, ba</i> được tính 195 giờ/giải. <p><i>Trường hợp có nhiều GV hướng dẫn:</i> GV hướng dẫn chính được tính 195 giờ/giải; các GV còn lại được tính 195 giờ chia đều cho tổng số GV hướng dẫn (trừ giảng viên hướng dẫn chính).</p>	Theo Quyết định số 7786/QĐ-ĐHTV ngày 14/12/2020.

TT	Nội dung	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
		<p>- <i>Đạt giải khuyến khích</i> được tính 136,5 giờ/giải.</p> <p><i>Trường hợp có nhiều GV hướng dẫn:</i> GV hướng dẫn chính được tính 136,5 giờ/giải; các GV còn lại được tính 195 giờ chia đều tổng số GV hướng dẫn (trừ giảng viên hướng dẫn chính).</p>	

4 . Các hoạt động sáng tác, biểu diễn nghệ thuật

4.1	Sáng tác một tác phẩm âm nhạc, múa, điện ảnh được công diễn từ cấp tỉnh trở lên và đạt giải.	195 giờ/tác phẩm. Trường hợp một tác phẩm có nhiều thành viên cùng tham gia thì mỗi thành viên được tính 195 giờ chia đều cho tổng số thành viên.	
4.2	Dàn dựng/Biên đạo/Đạo diễn một tác phẩm âm nhạc, múa, điện ảnh được công diễn từ cấp tỉnh trở lên và đạt giải.		
4.3	Sáng tác và Dàn dựng/Biên đạo/Đạo diễn một tác phẩm âm nhạc, múa, điện ảnh được công diễn cấp tỉnh trở lên và đạt giải.		
4.4	Đạo diễn trọn một vở diễn cấp tỉnh trở lên có thời gian từ 30 phút trở lên.		
4.5	Biên đạo múa (một vở kịch múa từ ba màn trở lên hoặc một chương trình từ 5 tiết mục trở lên được dựng ở các Nhà hát cấp tỉnh trở lên).		
4.6	Dàn dựng, chỉ huy hoặc biểu diễn một chương trình hòa nhạc có độ dài trên 45 phút cấp tỉnh trở lên	195 giờ/tác phẩm. Trường hợp một tác phẩm có nhiều thành viên cùng tham gia thì mỗi thành viên được tính 195 giờ	
4.7	Sáng tác và dàn dựng một tác phẩm âm nhạc/tác phẩm múa/ tác phẩm		

TT	Nội dung	Số giờ chuẩn NCKH đã quy đổi	Điều kiện chung
	kịch hoặc tuồng được công diễn từ cấp tỉnh trở lên có độ dài trên 30 phút.	chia đều cho tổng số thành viên.	
4.8	Đạo diễn một vở kịch/vở tuồng/phim có độ dài ≥ 40 phút từ cấp tỉnh trở lên.		
4.9	Các bài hát, bài thơ sáng tác mới và được cấp phép sử dụng	88 giờ/tác phẩm. Trường hợp một tác phẩm có nhiều thành viên cùng tham gia thì mỗi thành viên được tính 88 giờ chia đều cho tổng số thành viên.	

5. Các hoạt động khác được quy đổi sang giờ NCKH

5.1	Tham gia thực hiện Dự án nghiên cứu bên ngoài Trường với mức kinh phí dự án từ 100 triệu trở lên (do đơn vị bên ngoài Trường cấp kinh phí thực hiện và thông BGH kí Hợp đồng) và có số tiền trích nộp về Trường/giảng viên từ 25 triệu đồng trở lên.	195 giờ/thành viên có trích nộp về Trường theo qui định.	
5.2	Tham gia thực hiện hoạt động sản xuất dịch vụ với lợi nhuận có trích nộp về Trường/giảng viên từ 25 triệu đồng trở lên.	195 giờ/thành viên có trích nộp về Trường theo qui định	
5.3	Biên soạn ngân hàng câu hỏi	02 bộ đề (tương đương với 800 câu hỏi) được tính 195 giờ (<i>Nhóm biên soạn thỏa thuận số giờ bằng văn bản</i>)	Chỉ được quy đổi khi GV không thanh toán thù lao biên soạn.

3. Trường hợp giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH hoặc giảng viên có số giờ NCKH dư trong năm thực hiện nhiệm vụ:

a) **Đối với giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm thực hiện nhiệm vụ:** Cuối năm dựa vào mức độ hoàn cảnh cụ thể làm căn cứ xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học để xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan; đồng thời cho phép bù giờ giảng dạy sang giờ NCKH đối với giảng viên này và ngược lại với điều kiện giảng viên này phải đảm bảo giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) tối thiểu 50% định mức quy định.

b) **Đối với giảng viên có số giờ NCKH dư trong năm thực hiện nhiệm vụ:** Giảng viên có giờ NCKH được quy đổi từ các sản phẩm tại thứ tự số 2, **5 điểm a khoản 2 Điều này** và thứ tự số **2.2, 2.5, 2.6 điểm b khoản 2 Điều này** được sử dụng tính giờ chuẩn NCKH trong năm thực hiện nhiệm vụ và được bù sang giờ giảng dạy, sau đó được thanh toán giờ dư cuối năm theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành. Nếu sau khi thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà còn dư sẽ được ưu tiên xem xét khen thưởng vào cuối năm với định mức tối đa 56.000đ/giờ.

c) **Đối với giảng viên có số giờ NCKH dư trong năm thực hiện nhiệm vụ:** Giảng viên có giờ NCKH được quy đổi từ các sản phẩm khác tại thứ tự **số 1b, 3, 4, 6, 7, 8, 9 điểm a khoản 2 Điều này** (riêng số 6, 7, 8, 9 thì trừ trường hợp “*thành viên tham gia thực hiện để tài các cấp*”) và thứ tự số **1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 2.1, 2.3, 2.4 điểm b khoản 2 Điều này** được sử dụng tính giờ chuẩn NCKH trong năm thực hiện nhiệm vụ và được bù qua giờ giảng dạy. Nếu còn dư có thể được xem xét khen thưởng tùy vào ngân sách của Nhà trường vào cuối năm nhưng định mức tối đa 70% định mức khen thưởng cho số giờ dư ở điểm b Khoản 3 Điều này.

d) Đối với giảng viên có số giờ NCKH được quy đổi từ các trường hợp còn lại bao gồm thứ tự số **1a, 6, 7, 8, 9 điểm a khoản 2 Điều này** (riêng số 6, 7, 8, 9 thì chỉ tính trường hợp “*thành viên tham gia thực hiện để tài các cấp*”) và thứ tự số **3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8, 4.9, 5.1, 5.2, 5.3 điểm b khoản 2 Điều này** chỉ được sử dụng để tính giờ chuẩn NCKH trong năm thực hiện nhiệm vụ.

e) Giảng viên không được bảo lưu giờ NCKH dư (nếu có).

16. Các sản phẩm NCKH dư của năm học 2019-2020 được bảo lưu để tính giờ chuẩn NCKH trong năm học 2020-2021 theo các quy định của Nhà trường. Việc đánh giá viên chức dựa vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm 2020-2021 để đánh giá xếp loại theo quy định.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Giảng viên được giảm trừ giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cụ thể như sau:

Số thứ tự	Tỉ lệ % giảm giờ chuẩn/năm học	Các nhiệm vụ được giảm giờ tiêu chuẩn
1	Giảm 100% giờ chuẩn NCKH	- Giảng viên có văn bản được Hiệu trưởng phân công tham gia học đại học trở lên theo hình thức

		<p>tập trung (<i>theo Quyết định cử đi học tập trung dài hạn kể cả trong và ngoài nước</i>).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên được cử đi học các lớp Cao cấp, Trung cấp Lý luận Chính trị hình thức tập trung. - Thời gian làm đề tài luận văn thạc sĩ đối với trường hợp đi học không tập trung (thực hiện theo quyết định giao đề tài). - Giảng viên có văn bản được Hiệu trưởng phân công tham gia học thạc sĩ trở lên theo hình thức không tập trung khi cung cấp được lịch học có tổng thời gian học từ 70% trở lên tính theo 44 tuần/ năm học.
2	Giảm 50% giờ chuẩn NCKH	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên có văn bản được Hiệu trưởng phân công tham gia học trình độ thạc sĩ trở lên theo hình thức không tập trung nhưng không cung cấp lịch học. - Giảng viên có văn bản được Hiệu trưởng phân công tham gia học tiến sĩ theo hình thức tập trung tại Trường Đại học Trà Vinh còn hưởng phụ cấp giảng dạy. - Giảng viên được cử đi học các lớp Cao cấp, Trung cấp Lý luận Chính trị hình thức không tập trung không cung cấp lịch học.
3	Giảm giờ chuẩn NCKH /năm theo lịch học thực tế.	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên có văn bản được Hiệu trưởng phân công đi học trình độ thạc sĩ trở lên theo hình thức không tập trung nhưng cung cấp lịch học có tổng thời gian học dưới 70% tính theo 44 tuần/ năm học. - Giảng viên tham gia các khóa học ngắn hạn, đi thực tập thực tế tại doanh nghiệp/cơ quan từ 04 tuần trở lên (<i>được sự đồng ý của Hiệu trưởng bằng văn bản</i>) mà số ngày tập huấn không liên tục trong tuần thì cộng dồn các ngày lại, quy ra thành tuần (40 giờ/01 tuần). - Giảng viên tham gia các khóa tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn, đi thực tập thực tế tại doanh nghiệp/cơ quan liên tục từ 04 tuần trở lên

		(được sự đồng ý của Hiệu trưởng bằng văn bản) kể cả trường hợp thời gian tập huấn rơi vào số tuần nghỉ theo quy định. - Giảng viên được cử đi học các lớp Cao cấp, Trung cấp Lý luận Chính trị hình thức không tập trung cung cấp lịch học.
4	Giảm 01 giờ chuẩn NCKH /tuần (44 giờ chuẩn/năm học) sau thời gian nghỉ hậu sản đến con đủ 12 tháng tuổi	Giảng viên nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.
5	Giảm định mức giờ chuẩn NCKH theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.	Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành.
6	Giảm giờ chuẩn NCKH theo thời gian học và hình thức học tương ứng.	Trường hợp giảng viên đi học sau đại học đã hết thời gian học theo văn bản cho phép nhưng chưa hoàn thành, nếu có văn bản xin gia hạn được Ban Giám hiệu đồng ý.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung nội dung “Ghi chú” thuộc Bảng 4 khoản 4 Điều 11 thành khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 11 như sau:

“5. Thống kê tạp chí chuyên ngành thuộc ISI dựa vào trang web www.mjl.clarivate.com, tạp chí chuyên ngành thuộc SCOPUS và xếp hạng Q (*best quartile*) dựa vào trang web www.scimagojr.com, định mức xếp hạng Q và “**Coverage years**” của tạp chí do trang www.scimagojr.com thống kê trong 02 năm liền kề. Không chấp nhận trường hợp tạp chí bị “*cancelled / discontinued in Scopus*” tại năm liền kề gần nhất hoặc năm hiện hành.

6. Bài báo được đăng trên Tạp chí chuyên ngành quốc tế phải phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài. Chủ nhiệm đề tài phải là TG độc lập hoặc TG thứ nhất của bài báo khoa học được đăng.

7. Các bài báo được đăng trên Tạp chí chuyên ngành quốc tế là sản phẩm nghiệm thu của các đề tài NCKH cấp trường xếp hạng theo Q3 và Q4 thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, lĩnh vực nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học sức khỏe có thể xem xét tăng thêm nhưng không quá 20% định mức kinh phí. Các lĩnh vực khác xem xét tăng thêm nhưng không quá 10%.”

Điều 4. Bổ sung Khoản 8, Khoản 9 Điều 11 như sau:

“8. **Nghiên cứu thực nghiệm:** Được tạm hiểu là các đề tài có thực hiện các thí nghiệm, các mô hình thử nghiệm/thực nghiệm, sản xuất thử.

9. **Nghiên cứu điều tra:** Các đề tài không thuộc nghiên cứu thực nghiệm.”

Điều 5. Sửa đổi khoản 3 Điều 12 thành khoản 2 Điều 12.**Điều 6. Bổ sung điểm g khoản 2 Điều 12 như sau:**

“g. Những người tham gia thực hiện đề tài không được tham gia làm thành viên hội đồng đánh giá xét duyệt thuyết minh chi tiết.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:

“3. Phòng KHCN hoặc Hội đồng KH&ĐT Khoa tổ chức kiểm tra đánh giá sơ bộ việc hoàn thành các kết quả nghiên cứu được xác định trong hợp đồng và khả năng thanh quyết toán kinh phí của chủ nhiệm đề tài. Báo cáo tổng kết của đề tài phải được kiểm tra qua phần mềm chống đạo văn theo Quyết định số 5602/QĐ-DHTV ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh. Kết quả kiểm tra đánh giá sơ bộ là cơ sở để xem xét tổ chức Hội đồng đánh giá nghiệm thu.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 17 như sau:

“a. Mức kinh phí công bố, xuất bản trên các tạp chí thuộc ISI/SCOPUS được xếp hạng Q không theo Danh mục đặt hàng được quy định ở Bảng 6, với điều kiện thống kê tạp chí chuyên ngành thuộc ISI dựa vào trang web www.mjl.clarivate.com, tạp chí chuyên ngành thuộc SCOPUS và xếp hạng Q (*best quartile*) dựa vào trang web www.scimagojr.com, định mức xếp hạng Q và “**Coverage years**” của tạp chí do trang www.scimagojr.com thống kê trong 02 năm liền kề, không chấp nhận trường hợp tạp chí bị “*cancelled / discontinued in Scopus*” tại năm liền kề gần nhất hoặc năm hiện hành. Riêng các Hợp đồng khoán việc được ký vào năm 2020, xếp hạng Q phải theo ngành/chuyên ngành đã đăng ký theo Điều 1 của Hợp đồng đã ký.

Bảng 6: Định mức kinh phí cho sản phẩm công bố, xuất bản

TT	Loại tạp chí	Xếp hạng theo Q	Số tiền tối đa thanh toán/bài (triệu đồng)
1	Tạp chí thuộc danh mục ISI (gồm SCI, SCIE, SSCI, A&HCI)	Q1	150
		Q2	110
		Q3	90
		Q4	60
2	Tạp chí thuộc Danh mục ISI nhưng ngoài các nhóm (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI) và thuộc danh mục SCOPUS	Q1	100
		Q2	70
		Q3	60
		Q4	50
3	Tạp chí thuộc Danh mục SCOPUS	Q1	90
		Q2	60
		Q3	50
		Q4	40

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 17 như sau:

“a. Trưởng nhóm hoặc Thành viên nhóm phải là Tác giả thứ nhất của bài báo và phải đứng tên là viên chức của Trường Đại học Trà Vinh, cách ghi cụ thể như sau:

- Ở phần “Tên đơn vị công tác”: ghi 01 đơn vị duy nhất là Trường Đại học Trà Vinh (tên tiếng Anh là “*Tra Vinh University*”). Nếu tạp chí cho phép, tác giả có thể ghi thêm thông tin theo thứ tự từ bộ môn, khoa và trường. Ví dụ: Department of Civil Engineering, School of Engineering and Technology, Tra Vinh University. Đối với những tạp chí thực hiện khai báo các thông tin tự động trong hệ thống của tạp chí, tác giả cần kiểm tra với tạp chí về những thông tin trên trước khi xuất bản.

- Ở phần “Acknowledgement (Lời cảm ơn)” trong bài báo được trình bày như sau: (i) Đối với các nghiên cứu không có sự kết hợp với các đơn vị ngoài Trường, TG ghi rõ “*This study/work/research was fully supported / funded by Tra Vinh University under grant contract number/HĐ-HĐKH&ĐT.ĐHTV*”; (ii) Đối với các nghiên cứu có kết hợp đồng thời việc sử dụng kinh phí, vật tư, thiết bị (nguồn lực nói chung) từ đơn vị khác, TG phải ghi rõ: Phần đầu tiên là “*This study/work/research was fully funded by Tra Vinh University under grant contract number (...../HĐ-HĐKH&ĐT.ĐHTV)*” và Phần thứ hai là “*Other supports* (Tác giả mô tả các nguồn lực khác (bao gồm kinh phí, trang thiết bị, vật tư....) hỗ trợ cho nghiên cứu ngoài nguồn tài trợ của TVU)”.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 17 như sau:

“d. Các bài báo là sản phẩm của Hợp đồng giao khoán không được sử dụng để kê khai nhiệm vụ NCKH, trừ các bài báo đã được nghiệm thu thuộc các hợp đồng được ký trước ngày 01/9/2020. Trường hợp giảng viên có đề nghị quy đổi giờ cho các bài báo là sản phẩm của Hợp đồng giao khoán thì định mức thanh toán cho bài báo giảm 20% định mức đã quy định.”

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 23 như sau:

“b. Thống kê tạp chí chuyên ngành thuộc ISI dựa vào trang web www.mjl.clarivate.com, tạp chí chuyên ngành thuộc SCOPUS và xếp hạng Q (*best quartile*) dựa vào trang web www.scimagojr.com, định mức xếp hạng Q và “**Coverage years**” của tạp chí phải được trang www.scimagojr.com thống kê trong 02 năm liền kề, không chấp nhận trường hợp tạp chí bị “*cancelled / discontinued in Scopus*” tại năm liền kề gần nhất hoặc năm hiện hành.”

Điều 12. Sửa đổi nội dung “Ghi chú” thuộc Bảng 8 khoản 2 Điều 23 thành điểm e khoản 2 Điều 23 như sau:

“e. Tên đơn vị công tác: Ghi 01 đơn vị duy nhất là Trường Đại học Trà Vinh (tên tiếng Anh là “*Tra Vinh University*”). Nếu tạp chí cho phép, tác giả có thể ghi thêm thông tin theo thứ tự từ bộ môn, khoa và trường. Ví dụ: Department of Civil Engineering, School of Engineering and Technology, Tra Vinh University. Đối với những tạp chí thực hiện khai báo các thông tin tự động trong hệ thống của tạp chí, tác giả cần kiểm tra với tạp chí về những thông tin trên trước khi xuất bản.”

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 2 Điều 24 như sau:

“1. Viên chức có sách được xuất bản quốc tế được khen thưởng theo **Bảng 9** như sau:

Bảng 9: Định mức khen thưởng xuất bản quốc tế

TT	Nội dung	Đầu sách/ chương sách	Số tiền thưởng (triệu đồng)	Điều kiện chung
1	Sách/Chương sách thuộc 10 nhà xuất bản Pearson, RELF Group, Thomson Reuters, Wolter Kluwer, Wiley, Springer Nature, Happer Collins, cholastic, Oxford University Press, Cambridge University Press	1 đầu sách	119	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng đầu sách/chương sách được khen thưởng mỗi năm: tối đa 02 đầu sách hoặc 2 chương/viên chức. - Chỉ khen thưởng cho TG độc lập hoặc TG thứ nhất (chủ biên).
		1 chương sách	35	
2	Sách xuất bản quốc tế khác (ngoài 10 nhà xuất bản nêu trên) thuộc Danh mục “ <i>The world's largest publishers</i> ” do trang publisherweekly.com thống kê hàng năm hoặc các nhà xuất bản thuộc các trường đại học hàng đầu thế giới hiện hành của Times Higher Education World University Rangking do tạp chí Times Higher Education (THE) hợp tác với Thomson Reuters thống kê (www.timeshighereducation.com) hoặc một số nhà xuất bản có uy tín khác do Hội đồng khen thưởng xem xét.	1 đầu sách	30	<ul style="list-style-type: none"> - Những sản phẩm khen thưởng không được sử dụng để kê khai nhiệm vụ NCKH. - Các sách được khen thưởng phải được xuất bản trong vòng 06 tháng tính đến ngày Phòng KHCN nhận được Hồ sơ đề nghị khen thưởng hợp lệ. - Bộ sách (book series) thuộc ISI/SCOPUS chỉ thống kê dựa trên 02 trang web sau: www.mjl.clarivate.com hoặc www.scimagojr.com.
		1 chương sách	9	
3	<ul style="list-style-type: none"> - Bài báo khoa học chuyên ngành quốc tế năm trong Bộ sách (<i>book series</i>) thuộc ISI/SCOPUS - Chương sách nằm trong Bộ sách (<i>book series</i>) thuộc ISI/SCOPUS 	1 bài báo đăng dưới dạng chương sách / bài báo thuộc 01 Bộ sách	8	<ul style="list-style-type: none"> Không chấp nhận trường hợp Bộ sách bị “<i>cancelled</i> / <i>discontinued in Scopus</i>” tại năm liền kề gần nhất hoặc năm hiện hành.

TT	Nội dung	Đầu sách/ chương sách	Số tiền thưởng (triệu đồng)	Điều kiện chung
				<ul style="list-style-type: none"> - Không tính những bài báo đã được khen thưởng nhưng được các NXB tổng hợp để xuất bản thành một bộ sách. - TG phải đứng tên đơn vị duy nhất là Trường Đại học Trà Vinh (tên tiếng Anh là “<i>Tra Vinh University</i>”). Nếu Ban Biên tập cho phép, TG có thể ghi thêm thông tin theo thứ tự từ bộ môn, khoa và trường.

2. Viên chức có sách được xuất bản trong nước được khen thưởng theo **Bảng 10:**

Bảng 10: Định mức khen thưởng xuất bản sách trong nước

TT	Nội dung	Đầu sách/ chương sách	Số tiền thưởng (triệu đồng)	Điều kiện chung
1	Sách chuyên khảo trong nước, do các nhà xuất bản được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép và được Nhà trường ra quyết định sử dụng giảng dạy.	1 đầu sách	8	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng đầu sách/chương sách được khen thưởng mỗi năm: tối đa 02 đầu sách hoặc 2 chương/viên chức.
2	Sách chuyên khảo trong nước, do các nhà xuất bản được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép (đối với Sách được nâng cấp từ tài liệu giảng dạy) và được Nhà trường ra quyết định sử dụng giảng dạy.	1 đầu sách	5	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ khen thưởng cho Chủ biên độc lập hoặc TG thứ nhất (chủ biên) có đứng tên đơn vị công tác duy nhất là Trường Đại học Trà Vinh.

TT	Nội dung	Đầu sách/chương sách	Số tiền thưởng (triệu đồng)	Điều kiện chung
3	Giáo trình trong nước, do các nhà xuất bản được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép và được Nhà trường ra quyết định sử dụng giảng dạy.	1 đầu sách	4	- Những sản phẩm khen thưởng không được sử dụng để kê khai nhiệm vụ NCKH.
4	Giáo trình được trong nước, do các nhà xuất bản được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép (đối với Sách được nâng cấp từ tài liệu giảng dạy) và được Nhà trường ra quyết định sử dụng giảng dạy	1 đầu sách	2	- Các sách được khen thưởng phải được xuất bản trong vòng 06 tháng tính đến ngày Phòng KHCN nhận được Hồ sơ đề nghị khen thưởng hợp lệ.
5	Sách tham khảo được trong nước, do các nhà xuất bản được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép và được Nhà trường ra quyết định sử dụng giảng dạy	1 đầu sách	3	

Điều 14. Bổ sung khoản 14, 15, 16 Điều 28 như sau:

“14. Định mức chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được trình bày ở bảng 16.

Bảng 16: Định mức các nội dung chi khảo sát thu thập số liệu

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
1.	Lập mẫu phiếu điều tra	Mẫu phiếu	
	Đến 15 chỉ tiêu		150.000
	Đến 30 chỉ tiêu		300.000
	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu		400.000
	Trên 40 chỉ tiêu		600.000
2.	Chi điều tra		

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
	Chi công tác phí cho người đi điều tra, khảo sát	Ngày	Nội dung và mức chi công tác phí được thực hiện theo QCCTNB hiện hành.
	Thuê điều tra viên (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Người/ngày	100.000
	Thuê người dẫn đường	Người/ngày	78.400
	Chi đối tượng cung cấp thông tin bên ngoài Trường	Phiếu	
	- Đến 35 chỉ tiêu		25.000
	- Trên 35 chỉ tiêu đến 45 chỉ tiêu		35.000
	- Trên 45 chỉ tiêu		45.000
	Thuê xe cho điều tra viên đi thực địa để điều tra (trường hợp phải thuê xe)		Mức chi theo giá cước vận chuyển hoặc hợp đồng vận chuyển, hóa đơn thực tế (trong trường hợp thuê dịch vụ)
3.	Xử lý số liệu điều tra	Ngày	Mức chi theo ngày công tương ứng với hệ số chức danh ở Bảng 15
4.	Chi văn phòng phẩm (tối đa)	Đề tài	1.000.000

15. Định mức chi họp Hội đồng cấp cơ sở xét duyệt đề xuất (nếu có) gửi đăng ký cấp tỉnh trở lên được trình bày ở Bảng 17:

Bảng 17. Định mức chi hội đồng cấp cơ sở xét chọn đề xuất các đề tài cấp tỉnh trở lên

Hợp Hội đồng cấp cơ sở xét chọn đề xuất đăng ký các cấp tỉnh trở lên	Khung định mức chi tối đa (đồng/người/buổi)
Chủ tịch	400.000
Ủy viên	400.000
Thư ký	250.000

16. Định mức chi họp hội đồng cấp cơ sở xét chọn đề tài gửi tham gia xét tặng giải thưởng khoa học công nghệ các cấp được trình bày ở Bảng 18:

Bảng 18. Định mức chi hội đồng cấp cơ sở xét chọn đề tài đăng ký tham gia xét tặng giải thưởng về KHCN

Hợp Hội đồng cấp cơ sở xét chọn đề tài đăng ký tham gia xét tặng giải thưởng về KHCN	Khung định mức chi tối đa (đồng/người/buổi)	
	Cấp tỉnh	Cấp Bộ trő lên
Chủ tịch	450.000	500.000
Ủy viên phản biện	450.000	500.000
Úy viên	400.000	450.000
Thư ký	250.000	250.000

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Các Phòng, Ban, Trung tâm, Viện, các Khoa, Bộ môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Trường Đại học Trà Vinh có trách nhiệm triển khai và thực hiện theo Quy định bổ sung này./. 